

Số: 185/NQ-HĐND

Hung Yên, ngày 12 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn;
thu chi ngân sách địa phương năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ ban hành Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Căn cứ Quyết định số 1629/QĐ-TTg ngày 23/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 24/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2019;

Căn cứ Thông tư số 54/2018/TT-BTC ngày 08/6/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2019 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2019 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 2231/QĐ-BTC ngày 23/11/2018 của Bộ Tài chính về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019;

Xét Báo cáo số 254/BC-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 tỉnh Hưng Yên như sau:

1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 12.865.000 triệu đồng. Trong đó:
 - Thu nội địa: 9.565.000 triệu đồng.
 - Thu hoạt động xuất nhập khẩu: 3.300.000 triệu đồng.

2. Thu ngân sách địa phương: 9.364.367 triệu đồng. Trong đó:
 - 2.1. Thu NSDP được hưởng theo phân cấp: 8.675.043 triệu đồng. Trong đó:
 - Các khoản thu NSDP hưởng 100%: 2.286.270 triệu đồng
 - Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 6.388.773 triệu đồng
 - 2.2. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: 689.324 triệu đồng. Trong đó: Thu bổ sung có mục tiêu: 689.324 triệu đồng.
3. Dự toán chi ngân sách địa phương: 9.171.417 triệu đồng.
 - Tổng chi cân đối ngân sách địa phương: 8.482.093 triệu đồng
 - Chi thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình mục tiêu quốc gia: 689.324 triệu đồng
4. Bội thu ngân sách địa phương: 192.950 triệu đồng. Trong đó: Bội thu từ tiền sử dụng đất: 97.950 triệu đồng.
5. Tổng mức vay của địa phương: 134.000 triệu đồng.
6. Trả nợ gốc vay của Ngân sách địa phương: 197.950 triệu đồng.

(Chi tiết tại các Biểu mẫu 15,16,17,18 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này, trong đó:

- Thực hiện dự toán ngân sách nhà nước phải đúng quy định, đẩy mạnh thanh tra, kiểm tra và công khai minh bạch việc sử dụng ngân sách nhà nước. Thực hiện nghiêm kỷ luật, kỷ cương tài chính, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước đúng mục đích, đúng quy định, đúng chế độ và có hiệu quả.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt luật thuế, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế chống thất thu, ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn thuế; phát hiện kịp thời và xử lý các trường hợp kê khai không đúng, gian lận, trốn thuế và chây ì không nộp thuế.

- Chi ngân sách nhà nước theo dự toán được giao, tiết kiệm triệt để các khoản chi thường xuyên; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết; hạn chế tối đa việc bố trí kinh phí đi nghiên cứu khảo sát nước ngoài, hạn chế mua sắm trang thiết bị có giá trị lớn chưa cần thiết; đẩy mạnh cải cách hành chính trong quản lý, chi ngân sách nhà nước. Quản lý chặt chẽ và hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán ngân sách nhà nước và chi chuyển nguồn sang năm sau.

- Thực hiện chi trả tiền lương được điều chỉnh khi có tăng mức lương cơ sở theo quy định của Chính phủ, điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp ưu đãi người có công bằng mức lương cơ sở, đảm bảo theo quy định.

- Dành nguồn tăng thu để chi đầu tư phát triển, hỗ trợ hộ nghèo, đối tượng chính sách, tạo nguồn cải cách tiền lương và hỗ trợ mua sắm sửa chữa để nâng cao chất lượng dịch vụ công.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tạo nguồn để cải cách tiền lương trong năm 2019 từ một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% số chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ) và nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2018 còn dư chuyển sang (nếu có).

- Chủ động bố trí chi trả nợ các khoản vay của tỉnh trong dự toán chi đầu tư phát triển; bố trí chi trả nợ gốc theo đúng quy định của Luật NSNN từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư và vay mới trong năm theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVI, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 12 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

CHỦ TỊCH

Đỗ Xuân Tuyên

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết 185/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Nội dung	Dự toán năm 2018	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh (3)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	8.958.537	12.571.472	9.364.367	- 3.207.105	74
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	7.859.211	8.645.694	8.675.043	29.349	100
-	Thu NSDP hưởng 100%	1.681.500	2.467.983	2.286.270	-181.713	93
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	6.177.711	6.177.711	6.388.773	211.062	103
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.099.326	1.099.326	689.324	- 410.002	63
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách				-	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	1.099.326	1.099.326	689.324	- 410.002	63
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				-	
IV	Thu kết dư		852.990		- 852.990	-
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.973.462		- 1.973.462	-
B	TỔNG CHI NSDP	9.008.537	9.622.947	9.171.417	162.880	102
I	Tổng chi cân đối NSDP	7.909.211	8.523.621	8.482.093	572.882	107
1	Chi đầu tư phát triển (1)	1.683.790	2.151.507	1.968.650	284.860	117
2	Chi thường xuyên	6.011.466	6.158.159	6.209.628	198.162	103
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)	3.200	3.200	7.050	3.850	220
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	1.000	1.000	1.000	-	100
5	Dự phòng ngân sách	154.180	154.180	182.320	28.140	118
6	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	55.575	55.575	52.003	3.572	94
7	Nhiệm vụ chi của các năm trước			61.442	61.442	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.099.326	1.099.326	689.324	- 410.002	63
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	107.600	107.600	172.700	65.100	161
2	Chi các chương trình mục	991.726		516.624	- 475.102	52

	tiêu, nhiệm vụ		991.726			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					-
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP (2)	- 50.000	2.948.525	192.950		
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP (2)	80.000	65.941	197.950		
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc	80.000				
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		65.941	197.950		
III	Từ nguồn thu tiền sử dụng đất					
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP (2)	130.000		134.000		
I	Vay để bù đắp bội chi	50.000				
II	Vay để trả nợ gốc	80.000		134.000		

Biểu số 16 trang ngang
KÈM THEO NQ 185/NQ-HĐND
(03 trang)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2019*(Kèm theo Nghị quyết 185/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	9.008.537	9.171.417	162.880	102
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	7.909.211	8.482.093	572.882	107
I	Chi đầu tư phát triển	1.683.790	1.968.650	284.860	117
1	Chi đầu tư cho các dự án	1.661.990	1.950.450	288.460	117
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-	-	-	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	239.710		- 239.710	-
-	Chi khoa học và công nghệ	39.600		-39.600	-
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	-	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	975.000	1.410.000	435.000	145
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	15.000	13.000	- 2.000	87
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	21.800	18.200	- 3.600	83
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-	-
II	Chi thường xuyên	6.011.466	6.209.628	198.162	103
	<i>Trong đó:</i>	-	-	-	-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	2.137.289	2.270.187	132.898	106
2	Chi khoa học và công nghệ	22.699	30.101	7.402	133
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	3.200	7.050	3.850	220
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.000	1.000	-	100
V	Dự phòng ngân sách	154.180	182.320	28.140	118
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	55.575	52.003	- 3.572	94
VII	Nhiệm vụ chi của các năm trước		61.442	61.442	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.099.326	689.324	- 410.002	63
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	107.600	172.700	65.100	161
	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	107.600	172.700	65.100	161
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	991.726	516.624	- 475.102	52
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn nước ngoài	374.051	161.292	- 212.759	43
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	195.442	256.332	60.890	131

	Vốn trái phiếu Chính phủ	320.000	80.000	- 240.000	25
	Vốn ngoài nước	45.700	19.000	- 26.700	42
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-			

Ghi chú:

1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

**BỘI CHI VÀ PHƯƠNG ÁN VAY - TRẢ NỢ
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết 185/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2018	Dự toán năm 2019	So sánh
A	B	1	2	3=2-1
A	THU NSDP	10.270.729	8.675.043	-1.595.686
B	CHI CÂN ĐỐI NSDP	9.549.647	8.482.093	-1.067.554
C	BỘI THU NSDP/BỘI CHI NSDP	721.082	192.950	-528.132
D	HẠN MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP THEO QUY ĐỊNH	2.357.763	2.602.513	244.750
E	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ GỐC			0
I	Tổng dư nợ đầu năm	571.502	547.699	-23.803
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			0
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	98.997	155.190	56.193
3	Vay trong nước khác	472.505	392.509	-79.996
II	Trả nợ gốc vay trong năm	83.403	222.858	139.455
1	Theo nguồn vốn vay	83.403	222.858	139.455
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	3.407	21.611	18.204
-	Vốn khác	79.996	201.247	121.251
2	Theo nguồn trả nợ	83.403	222.858	139.455
-	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			0
-	Bội thu NSDP		95.000	95.000
-	Tăng thu, tiết kiệm chi		102.950	102.950
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	65.941		-65.941
-	Nguồn khác	17.462	24.908	
III	Tổng mức vay trong năm	59.600	57.238	-2.362
1	Theo mục đích vay			0
-	Vay để bù đắp bội chi			0
-	Vay để trả nợ gốc			0
2	Theo nguồn vay	59.600	57.238	-2.362
-	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	59.600	57.238	-2.362
-	Vốn trong nước khác			0

IV	Tổng dư nợ cuối năm	547.699	382.079	-165.620
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>			0
1	Trái phiếu chính quyền địa phương			0
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	155.190	190.817	35.627
3	Vốn khác	392.509	191.262	-201.247
G	TRẢ NỢ LÃI, PHÍ	3.200	7.050	3.850

Ghi chú: Tổng số nợ gốc và lãi dự kiến trả năm 2019: 229.908 triệu đồng
- Ngân sách tỉnh trả: 205.000 triệu đồng
- Công ty Điện lực trả: 17.462 triệu đồng
- Công ty TNHH MTV kinh doanh nước sạch HY: 7.446 triệu đồng